

Bản án số: 101/2024/KDTM-ST
Ngày: 24-9-2024
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thuần Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Công Nhân

2. Bà Tống Thị Kim Điền

- Thư ký phiên tòa: Trần Thị Hoài Thu - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương – Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 9 năm 2024 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7 mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án thụ lý số 131/2023/KTST ngày 20/10/2023 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 349/2024/QĐXXST-KDTM ngày 06 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 499/2024/QĐST-DS ngày 28/8/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ; địa chỉ trụ sở: T, Số A đường T, Phường L, quận H, Thành phố Hà Nội; địa chỉ chi nhánh: Số C đường N, Khu dân cư H, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Bà Lương Thị Vân A, bà Đặng Thị Hoàng Y, bà Phan Thị Ngọc M; địa chỉ liên hệ: Số C đường N, Khu dân cư H, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện ủy quyền (theo Giấy ủy quyền số 2015/BIDV-TTXLN2 ngày 26/5/2023 và Giấy ủy quyền số 3492/BIDV-TTXLN2 ngày 13/12/2023). (có mặt)

Bị đơn:

1. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên C; địa chỉ trụ sở: Quốc lộ C, ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp: Ông Cao Tuấn N - Giám đốc công ty là người đại diện theo pháp luật; địa chỉ: Ấp H, Thị trấn K, huyện P, tỉnh Hậu Giang. (vắng mặt)

2. Ông Ngô Trọng H; sinh năm: 1991; địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các Đơn khởi kiện, Đơn khởi kiện bổ sung, Bản tự khai, các ý kiến, văn bản trình bày ý kiến và tại phiên tòa; nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ trình bày và xác định yêu cầu khởi kiện đối với các bị đơn Công ty TNHH MTV C, ông Ngô Trọng H như sau:

1/ Đối với bị đơn Công ty TNHH Một thành viên C:

Ngày 12/10/2020, Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Q (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và Công ty TNHH Một thành viên C (sau đây gọi tắt là Công ty) sau khi thỏa thuận, hai bên thống nhất ký kết và thực hiện Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2020/11753816/HĐTD với các nội dung sau:

- Hạn mức cho vay: 35.000.000.000 (ba mươi lăm tỷ) đồng.
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C.
- Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng.
- Lãi suất cho vay: Lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

Căn cứ Hợp đồng tín dụng hạn mức, các bên đã ký kết, thực hiện các Hợp đồng tín dụng cụ thể nội dung sau:

- Hợp đồng tín dụng cụ thể số 02.01/2020/11753816/HĐTD ngày 20/5/2021, số tiền giải ngân: 19.440.000.000 đồng, ngày đáo hạn là ngày 22/11/2021 và văn bản gia hạn nợ/điều chỉnh kỳ hạn trả nợ theo đề nghị của Công ty C (do chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid 19) ngày 24/9/2021 gia hạn nợ gốc, lãi thêm 7 tháng, ngày đáo hạn gốc và lãi là ngày 22/6/2022.

- Hợp đồng tín dụng cụ thể số 03.01/2020/11753816/HĐTD ngày 21/5/2021, số tiền giải ngân: 15.516.000.000 đồng, ngày đáo hạn là ngày 22/11/2021 và văn bản gia hạn nợ/điều chỉnh kỳ hạn trả nợ theo đề nghị của Công ty TNHH MTV C (do chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid 19) ngày 27/9/2021 gia hạn nợ gốc, lãi thêm 7 tháng, ngày đáo hạn gốc và lãi là ngày 22/6/2022.

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho khoản vay, ngày 17/11/2020, Ngân hàng và Công ty C đã ký Hợp đồng thế chấp số 01/2020/11753816/HĐBĐ. Theo Hợp đồng thế chấp này, Công ty C đã thế chấp tài sản là: Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 25, Tờ bản đồ số 48, tại xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CU 528169, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận: CT08075 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 24/12/2019 cho Công ty C).

Các bên đã đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định, Công ty C đã giao bản chính các giấy tờ liên quan đến tài sản đảm bảo cho Ngân hàng (theo Biên bản giao nhận giấy tờ tài sản thế chấp ngày 17/11/2020).

Quá trình thực hiện Hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty như sau:

- Giải ngân theo Hợp đồng tín dụng cụ thể số 02.01/2020/11753816/HĐTD ngày 20/5/2021 với số tiền là 19.440.000.000 đồng.
- Giải ngân theo Hợp đồng tín dụng cụ thể số 03.01/2020/11753816/HĐTD ngày 21/5/2021 với số tiền giải ngân là 15.516.000.000 đồng.

Tổng cộng số tiền Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty C với 02 Hợp đồng tín dụng cụ thể trên là 34.956.000.0000 đồng. Quá trình thực hiện các Hợp đồng, Công ty C chưa

trả được số nợ gốc đồng nào nhưng đã trả được số tiền lãi là 265.606.027 đồng. Do Công ty C không thực hiện nghĩa vụ trả gốc lãi cho Ngân hàng theo quy định tại Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2020/11753816/HĐTD ngày 12/10/2020 nên phát sinh tranh chấp.

Ngày 05/7/2022, Ngân hàng đã khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn Công ty C phải trả số tiền nợ gốc lãi phát sinh từ Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2020/11753816/HĐTD ngày 12/10/2020 và các Hợp đồng tín dụng cụ thể tạm tính đến ngày 24/9/2024 với số tiền: 47.465.834.321 đồng, trong đó nợ gốc là 34.956.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 2.658.188.319 đồng, nợ lãi quá hạn là 9.250.417.603 đồng; nợ lãi do chậm trả lãi trong hạn là 601.228.399 đồng.

Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc Công ty C trả số tiền nợ trên làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Lãi tiếp tục tính từ ngày 25/9/2024 theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong các Hợp đồng đã ký cho đến khi Công ty C thanh toán xong khoản nợ vay.

2/ Đối với bị đơn ông Ngô Trọng H:

Ngày 17/11/2020, Ngân hàng và ông H thỏa thuận ký kết, thực hiện Hợp đồng tín dụng số 01/2020/14667188/HĐTD ngày 17/11/2020. Theo Hợp đồng tín dụng này, Ngân hàng TMCP Đ cho ông Ngô Trọng H vay số tiền với các nội dung sau:

- Số tiền cho vay: 4.000.000.000 đồng.

- Mục đích vay: Thanh toán tiền mua đất ở tại Thửa đất 444, Tờ bản đồ số 58, xã N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Thời hạn vay: 240 tháng.

- Lãi suất cho vay trong hạn: Áp dụng mức lãi suất cho vay 9,3%/năm. Lãi suất được điều chỉnh định kỳ 06 tháng 01 lần vào các ngày 01/01 và 01/7 hàng năm bằng lãi suất tiết kiệm (VND) dân cư 12 tháng trả lãi sau cộng (+) biên độ 3,5%/năm.

- Lãi suất nợ quá hạn: Lãi suất quá hạn áp dụng đối với nợ gốc quá hạn là: 150% lãi suất cho vay trong hạn (thời điểm chuyển nợ quá hạn tính trên số dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả).

- Lãi chậm trả áp dụng đối với nợ chậm trả lãi trong hạn chậm trả là: 10%/năm tính trên số dư chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

- Phạt vi phạm: Áp dụng theo quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ của khoản vay này cho ông Ngô Trọng H, Công ty C thế chấp Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 25, Tờ bản đồ số 48, tại xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CU 528169, vào sổ cấp Giấy chứng nhận: CT08075 do Sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh Đ cấp 24/12/2019 cho Công ty TNHH MTV C) theo Hợp đồng thế chấp số 01/2020/14667188/HĐBĐ ngày 17/11/2020 ký giữa Ngân hàng và Công ty C (để đảm bảo khoản vay cho ông H).

Ngân hàng đã giải ngân cho ông Ngô Trọng H số tiền 4.000.000.000 đồng. Ông Ngô Trọng H đã trả cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi là 383.051.233 đồng. Trong đó thanh toán nợ gốc là 100.000.000 đồng và trả lãi số tiền là 283.051.233 đồng. Do ông H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc lãi tiếp tục đúng hạn nên phát sinh tranh chấp.

Ngày 19/7/2022, Ngân hàng đã khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn ông Ngô Trọng H phải trả số tiền nợ gốc và lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số

01/2020/14667188/HĐTD ngày 17/11/2020 và Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 01/2021/14667188/HĐTD ngày 27/9/2021. Với số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 24/9/2024 là 5.182.416.771 đồng, trong đó: Nợ gốc là 3.900.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 1.014.607.943 đồng, nợ lãi quá hạn là 123.044.088 đồng; nợ lãi do chậm trả lãi trong hạn là 144.764.740 đồng.

Yêu cầu bị đơn ông **Ngô Trọng H** phải trả số tiền nợ làm 01 lần ngay sau khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật. Lãi tiếp tục tính từ ngày 25/9/2024 theo lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi ông **Ngô Trọng H** trả xong nợ vay.

Trường hợp, các bị đơn **Công ty C** và ông **Ngô Trọng H** không trả được nợ hoặc trả không đủ nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản đảm bảo để thu hồi nợ, cụ thể: Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc Thửa 25, Tờ bản đồ 48 tại **xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp** đứng tên **Công ty TNHH MTV C** (theo Giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CU 528169, vào sổ cấp Giấy chứng nhận: CT08075 do **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ** cấp ngày 24/12/2019, cập nhật ngày 25/3/2020). Theo Hợp đồng thế chấp số 01/2020/11753816/HĐBĐ ngày 17/11/2020 ký giữa **Ngân hàng B** và **Công ty C** và Hợp đồng thế chấp số 01/2020/14667188/HĐBĐ ngày 17/11/2020 ký giữa **Ngân hàng B** và **Công ty TNHH MTV C**).

Đối với tài sản gắn liền với đất: là công trình xây dựng khác (loại công trình **nhà máy S** bóng gạo). Qua xem xét thẩm định tại chỗ, ghi nhận hiện trạng ngày 19/8/2022 một số hạng mục xuống cấp, một số bị tháo dỡ chưa xác định được đối tượng thực hiện hành vi tháo dỡ. Vì vậy, để đảm bảo quyền và lợi ích của các bên, Ngân hàng sẽ thu thập chứng cứ khởi kiện yêu cầu bồi thường trong một vụ án khác.

Bị đơn **Công ty TNHH MTV C**, bị đơn ông **Ngô Trọng H** vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 phát biểu ý kiến:

1. Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý quy định tại các điều từ Điều 26 đến Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các điều từ 93 đến 97 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án giải quyết chưa đúng thời hạn quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 86 và Điều 234 Bộ

luật Tố tụng dân sự năm 2015. Các bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự, vắng mặt không có lý do trong suốt thời gian Tòa án giải quyết vụ án dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

3. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn **Ngân hàng TMCP Đ** khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn **Công ty TNHH MTV C** phải trả số tiền nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2020/11753816/HĐTD ngày 12/10/2020, Hợp đồng tín dụng cụ thể số 02.01/2020/11753816/HĐTD ngày 20/5/2021, Hợp đồng tín dụng cụ thể số 03.01/2020/11753816/HĐTD ngày 21/5/2021 và các Văn bản gia hạn/điều chỉnh kỳ hạn trả nợ ngày 24/9/2021, ngày 27/9/2021 nên đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng, là tranh chấp kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35; Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn **Ngân hàng TMCP Đ** khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn ông **Ngô Trọng H** phải trả số tiền nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng số 01/2020/14667188/HĐTD ngày 17/11/2020 và Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 01/2021/14667188/HĐTD ngày 27/9/2021 đây là tranh chấp về Hợp đồng tín dụng, là tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

[2] Về hình thức:

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ, đồng thời đăng trên các phương tiện thông tin truyền thông các nội dung văn bản cấp, tổng đạt, thông báo cho bị đơn **Công ty TNHH MTV C**, người đại diện hợp pháp của bị đơn **Công ty TNHH MTV C** và bị đơn ông **Ngô Trọng H** các văn bản tố tụng của Tòa án gồm: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, giấy triệu tập tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập tham gia phiên tòa và Thông báo mở phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, tuy nhiên bị đơn **công ty C** cũng như người đại diện hợp pháp của bị đơn **Công ty C** và bị đơn ông **H** vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các bị đơn, theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét các yêu cầu của nguyên đơn đối với các bị đơn:

[3.1] Về yêu cầu Tòa án buộc bị đơn **Công ty TNHH MTV C** phải trả số tiền nợ gốc, lãi phát sinh từ Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2020/11753816/HĐTD ngày 12/10/2020 và các Hợp đồng tín dụng cụ thể tạm tính đến ngày 24/9/2024 là: 47.465.834.321 đồng, trong đó nợ gốc là 34.956.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 2.658.188.319 đồng, nợ lãi quá hạn là 9.250.417.603 đồng; nợ lãi do chậm trả lãi trong hạn là 601.228.399 đồng. Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc **Công ty TNHH MTV C** trả số tiền nợ trên làm 01 lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Lãi tiếp tục tính từ ngày 25/9/2024 theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cụ thể cho đến khi **Công ty TNHH MTV C** thanh toán xong khoản nợ vay.

Xét thấy, căn cứ Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2020/11753816/HĐTD ngày 12/10/2020 và các Hợp đồng tín dụng cụ thể có đủ căn cứ xác định **Ngân hàng TMCP Đ** và Công ty có ký kết các hợp đồng tín dụng. Căn cứ vào Điều 405 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 91, Điều 95, điểm d khoản 3 Điều 98 Luật Các tổ chức Tín dụng năm 2010 (sửa đổi bổ sung năm 2017), đây là loại hợp đồng theo mẫu. Việc giao kết hợp đồng giữa các bên là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên phát sinh hiệu lực. Nội dung thỏa thuận về lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn, lãi do chậm trả lãi trong hạn giữa Ngân hàng và bị đơn **Công ty C** theo các hợp đồng tín dụng là phù hợp với quy định của **Ngân hàng N1** về việc cho vay của các tổ chức tín dụng tại Điều 3, Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng, phù hợp với các quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của các hợp đồng tín dụng, Ngân hàng và Công ty đã ký Hợp đồng thế chấp số 01/2020/11753816/HĐBĐ ngày 17/11/2020 do **Phòng C1** tỉnh Đồng Tháp chứng nhận ngày 17/11/2020 (Số công chứng 9091 Quyền số 11 TP/CC-SCC/HĐGD); được **Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh Đ** chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 17/11/2020. Theo đó tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất thuộc Thửa 25, Tờ bản đồ 48 tại **xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp** đứng tên **Công ty TNHH MTV C** (theo Giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CU 528169, vào sổ cấp Giấy chứng nhận: CT08075 do **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ** cấp ngày 24/12/2019, cập nhật ngày 25/3/2020)

Căn cứ vào các Ủy nhiệm chi ngày 20/5/2021, ngày 21/5/2021 đã có đủ căn cứ để xác định bị đơn Công ty đã được nguyên đơn **Ngân hàng TMCP Đ** giải ngân tổng cộng số tiền 34.956.000.000 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn Công ty đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền lãi trong hạn là 265.606.027 đồng.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn Ngân hàng cung cấp thì trong quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn Công ty đã vi phạm Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2020/11753816/HĐTD ngày 12/10/2020 và các Hợp đồng tín dụng cụ thể. Ngân hàng đã nhiều lần có văn bản, thông báo về khoản nợ trên nhưng phía công ty không trả.

Tính đến ngày xét xử sơ thẩm 24/9/2024, bị đơn Công ty phải thanh toán cho nguyên đơn tổng cộng số tiền (tạm tính đến ngày 24/9/2024) là 47.465.834.321 đồng, trong đó nợ gốc là 34.956.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 2.658.188.319 đồng, nợ lãi quá hạn là 9.250.417.603 đồng; nợ lãi do chậm trả lãi trong hạn là 601.228.399 đồng

Xét, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn **Công ty C**, người đại diện hợp pháp của bị đơn **Công ty C**; đồng thời đăng trên các phương tiện thông tin truyền thông các nội dung văn bản cấp, tổng đạt, thông báo cho phía bị đơn Công ty; tuy nhiên bị đơn **Công ty C**, người đại diện hợp pháp của bị đơn **Công ty C** vắng mặt, không đến Tòa trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu chứng cứ; do đó căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn **Công ty C** đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình, nên phải chịu hậu quả theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ các tài liệu chứng cứ, lời khai của nguyên đơn Ngân hàng để làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án.

Do đó, nguyên đơn **Ngân hàng TMCP Đ** khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn **Công ty C** phải thanh toán số tiền nợ gốc lãi phải trả tính đến ngày 24/9/2024 là 47.465.834.321

đồng (trong đó nợ gốc là 34.956.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 2.658.188.319 đồng, nợ lãi quá hạn là 9.250.417.603 đồng; nợ lãi do chậm trả lãi trong hạn là 601.228.399 đồng) là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về yêu cầu buộc bị đơn ông **Ngô Trọng H** phải thanh toán ngay một lần cho **Ngân hàng TMCP Đ** toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số 01/2020/14667188/HĐTD ngày 17/11/2020 và Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 01/2021/14667188/HĐTD ngày 27/9/2021 tạm tính đến ngày 24/9/2024 với số tiền là 5.182.416.771 đồng, (trong đó: Nợ gốc là 3.900.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 1.014.607.943 đồng, nợ lãi quá hạn là 123.044.088 đồng; nợ lãi do chậm trả lãi trong hạn là 144.764.740 đồng); căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa:

Xét thấy, căn cứ Hợp đồng tín dụng số 01/2020/14667188/HĐTD ngày 17/11/2020 và Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 01/2021/14667188/HĐTD ngày 27/9/2021 có đủ căn cứ xác định **Ngân hàng TMCP Đ** và ông **Ngô Trọng H** có ký kết, thực hiện hợp đồng tín dụng trên. Căn cứ vào Điều 405 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 91, Điều 95, điểm d khoản 3 Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi bổ sung năm 2017), đây là loại hợp đồng theo mẫu. Việc giao kết hợp đồng giữa các bên là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên phát sinh hiệu lực.

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho hợp đồng tín dụng của ông **H**, **Ngân hàng** và **Công ty C** đã ký Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2020/14667188/HĐBĐ do **Phòng C1** tỉnh Đồng Tháp chứng nhận ngày 17/11/2020 (Số công chứng 9090 Quyển số 11 TP/CC-SCC/HĐGD) đã được **Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh Đ** chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 17/11/2020. Theo đó tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất thuộc Thửa 25, Tờ bản đồ 48 tại **xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp** đứng tên **Công ty TNHH MTV C** (theo Giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CU 528169, vào sổ cấp Giấy chứng nhận: CT08075 do **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ** cấp ngày 24/12/2019, cập nhật ngày 25/3/2020)

Căn cứ vào Bảng kê rút vốn ngày 18/11/2020 đã có đủ căn cứ để xác định bị đơn ông **H** đã được nguyên đơn **Ngân hàng TMCP Đ** giải ngân tổng cộng số tiền 4.000.000.000 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn ông **H** đã trả cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi là 383.051.233 đồng. Trong đó thanh toán nợ gốc là 100.000.000 đồng và trả lãi số tiền là 283.051.233 đồng.

Theo các Thông báo nợ quá hạn của nguyên đơn Ngân hàng thì trong quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn ông **H** đã vi phạm Hợp đồng tín dụng số 01/2020/14667188/HĐTD ngày 17/11/2020 và Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 01/2021/14667188/HĐTD ngày 27/9/2021. Nguyên đơn Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn ông **H** phải thanh toán số tiền nợ gốc lãi tạm tính đến ngày 24/9/2024 với số tiền là 5.182.416.771 đồng (trong đó: Nợ gốc là 3.900.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 1.014.607.943 đồng, nợ lãi quá hạn là 123.044.088 đồng; nợ lãi do chậm trả lãi trong hạn là 144.764.740 đồng).

Xét thấy, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn ông **H**; đồng thời đăng trên các phương tiện thông tin truyền thông các nội dung văn bản cấp, tổng đạt, thông báo cho phía bị đơn ông **H**. Tuy nhiên ông **H** không đến tòa trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa nên căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn ông **H** đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình, nên phải chịu hậu quả theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ các tài liệu chứng cứ, lời khai của nguyên đơn để làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án.

Do đó, yêu cầu của nguyên đơn **Ngân hàng TMCP Đ** khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn ông **Ngô Trọng H** phải thanh toán số tiền nợ gốc lãi tạm tính đến ngày 24/9/2024 với số tiền là 5.182.416.771 đồng (trong đó: Nợ gốc là 3.900.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 1.014.607.943 đồng, nợ lãi quá hạn là 123.044.088 đồng; nợ lãi do chậm trả lãi trong hạn là 144.764.740 đồng) là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Về thời hạn trả nợ:

Nguyên đơn **Ngân hàng TMCP Đ** yêu cầu bị đơn **Công ty TNHH MTV C** phải trả số tiền nợ gốc, lãi phát sinh từ Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2020/11753816/HĐTD ngày 12/10/2020 và các Hợp đồng tín dụng cụ thể làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật;

Nguyên đơn **Ngân hàng TMCP Đ** yêu cầu bị đơn ông **H** phải trả số tiền nợ gốc và nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng số 01/2020/14667188/HĐTD ngày 17/11/2020 và Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 01/2021/14667188/HĐTD ngày 27/9/2021 làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Xét, bị đơn **Công ty C**, bị đơn ông **Ngô Trọng H** đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ trong thời gian dài, ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn **Ngân hàng** nên với yêu cầu này của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[3.4] Về tiền lãi sau ngày xét xử sơ thẩm:

Nguyên đơn **Ngân hàng TMCP Đ** yêu cầu bị đơn **Công ty C**, bị đơn ông **Ngô Trọng H** phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết, thực hiện cho đến khi thi hành án xong. Hội đồng xét xử nhận thấy thỏa thuận trên là phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, Điều 13 và Điều 23 Thông tư số 39/2016/TT - NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của **Ngân hàng N1** và Nghị quyết số 01/2019/NQ HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do đó, yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp với các quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về xử lý tài sản bảo đảm:

Nguyên đơn **Ngân hàng TMCP Đ** yêu cầu trong trường hợp bị đơn **Công ty C**, bị đơn ông **Ngô Trọng H** không thanh toán được số tiền còn nợ trên hoặc thanh toán không đủ, thì **Ngân hàng** có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là: Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất thuộc Thửa 25, Tờ bản đồ 48 tại **xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp** đứng tên **Công ty TNHH MTV C** (theo Giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền

với đất số phát hành CU 528169, vào sổ cấp Giấy chứng nhận: CT08075 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 24/12/2019, cập nhật ngày 25/3/2020).

Xét thấy: Các chủ thể ký kết hợp đồng có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, điều khoản của hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái pháp luật, tài sản thế chấp được đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Hợp đồng thế chấp phù hợp pháp luật về cả hình thức và nội dung. Do đó, yêu cầu của ngân hàng về việc trong trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nguyên đơn có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là có căn cứ, được chấp nhận. Trường hợp số tiền thu được từ xử lý tài sản không đủ thanh toán hết khoản nợ thì Công ty TNHH MTV C, ông Ngô Trọng H có nghĩa vụ tiếp tục trả hết số tiền nợ còn lại.

Trường hợp sau khi phát mãi tài sản đảm bảo để thu hồi số nợ là: Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất thuộc Thửa 25, Tờ bản đồ 48 tại xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp đứng tên Công ty TNHH MTV C (theo Giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CU 528169, vào sổ cấp Giấy chứng nhận: CT08075 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 24/12/2019, cập nhật ngày 25/3/2020) để thanh toán cho khoản nợ của Công ty TNHH MTV C, ông Ngô Trọng H mà còn dư thì Ngân hàng có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Công ty TNHH MTV C số còn dư.

Trường hợp bị đơn Công ty C, bị đơn ông Ngô Trọng H đã thực hiện nghĩa vụ trả hết số tiền trên và khoản tiền lãi phát sinh cho Ngân hàng TMCP Đ thì Ngân hàng có trách nhiệm xóa thế chấp và trả bản chính các giấy tờ cho Công ty C (theo Biên bản giao nhận giấy tờ tài sản thế chấp ngày 17/11/2020).

[5] Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ Ngân hàng TMCP Đ chịu Ngân hàng đã nộp đủ

[6] Về án phí:

- Bị đơn Công ty C phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với yêu cầu trả khoản nợ gốc, lãi theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2020/11753816/HĐTD ngày 12/10/2020, Hợp đồng tín dụng cụ thể số 02.01/2020/11753816/HĐTD ngày 20/5/2021, Hợp đồng tín dụng cụ thể số 03.01/2020/11753816/HĐTD ngày 21/5/2020 và các Văn bản gia hạn/điều chỉnh kỳ hạn trả nợ ngày 24/9/2021, ngày 27/9/2021 được Tòa án chấp nhận.

- Bị đơn ông Ngô Trọng H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu trả khoản nợ gốc, lãi theo Hợp đồng tín dụng số 01/2020/14667188/HĐTD ngày 17/11/2020 và Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 01/2021/14667188/HĐTD ngày 27/9/2021 được Tòa án chấp nhận.

- Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ không phải chịu án phí sơ thẩm.

[7] Đối với tài sản gắn liền với đất: Là công trình xây dựng khác (loại công trình: Nhà máy sản xuất lau bóng gạo). Qua xem xét thẩm định tại chỗ, ghi nhận hiện trạng ngày 19/8/2022; một số hạng mục xuống cấp, một số bị tháo dỡ chưa xác định được đối tượng thực hiện hành vi tháo dỡ. Ngân hàng sẽ thu thập chứng cứ khởi kiện bằng vụ án khác nên Hội đồng xét xử không xem xét; dành quyền khởi kiện cho Ngân hàng trong một vụ án khác theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 30; điểm a, b khoản 1 Điều 35; Điều 40; các Điều 147, 157, 158, 227, 228, 271, 273, 277 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Khoản 2 Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng;
- Căn cứ Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163 ngày 29/12/2006.
- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.
- Căn cứ Luật Phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014,

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ.

1.1. Buộc bị đơn Công ty TNHH MTV C phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Đ tổng số tiền nợ gốc, lãi tính đến ngày 24/9/2024 là 47.465.834.321 (bốn mươi bảy tỷ, bốn trăm sáu mươi lăm triệu, tám trăm ba mươi bốn ngàn, ba trăm hai mươi một) đồng (trong đó nợ gốc là 34.956.000.000 (ba mươi bốn tỷ, chín trăm năm mươi sáu triệu) đồng, nợ lãi trong hạn là 2.658.188.319 (hai tỷ, sáu trăm năm mươi tám triệu, một trăm tám mươi tám ngàn, ba trăm mười chín) đồng, nợ lãi quá hạn là 9.250.417.603 (chín tỷ, hai trăm năm mươi triệu, bốn trăm mười bảy ngàn, sáu trăm lẻ ba) đồng; nợ lãi do chậm trả lãi trong hạn là 601.228.399 (sáu trăm lẻ một triệu, hai trăm hai mươi tám ngàn, ba trăm chín mươi chín) đồng theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2020/11753816/HĐTD ngày 12/10/2020, Hợp đồng tín dụng cụ thể số 02.01/2020/11753816/HĐTD ngày 20/5/2021, Hợp đồng tín dụng cụ thể số 03.01/2020/11753816/HĐTD ngày 21/5/2021 và các Văn bản gia hạn/điều chỉnh kỳ hạn trả nợ ngày 24/9/2021, ngày 27/9/2021.

Trả ngay một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Buộc ông Ngô Trọng H phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Đ tổng số tiền nợ gốc, lãi tính đến ngày 24/9/2024 là 5.182.416.771 (năm tỷ, một trăm tám mươi hai triệu, bốn trăm mười sáu ngàn, bảy trăm bảy mươi một) đồng (trong đó: Nợ gốc là 3.900.000.000 (ba tỷ, chín trăm triệu) đồng, nợ lãi trong hạn là 1.014.607.943 (một tỷ, không trăm mười bốn triệu, sáu trăm lẻ bảy ngàn, chín trăm bốn mươi ba) đồng, nợ lãi quá hạn là 123.044.088 (một trăm hai ba triệu, không trăm bốn mươi bốn ngàn, không trăm tám mươi tám) đồng; nợ lãi do chậm trả lãi trong hạn là 144.764.740 (một trăm bốn mươi bốn triệu, bảy trăm sáu mươi bốn ngàn, bảy trăm bốn mươi) đồng theo Hợp đồng tín dụng số 01/2020/14667188/HĐTD ngày 17/11/2020 và Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 01/2021/14667188/HĐTD ngày 27/9/2021.

Trả ngay một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Kể từ ngày 25/9/2024 cho đến khi thi hành án xong:

- Công ty TNHH MTV C còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất được thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2020/11753816/HĐTD ngày 12/10/2020, Hợp đồng tín dụng cụ thể số 02.01/2020/11753816/HĐTD ngày 20/5/2021,

Hợp đồng tín dụng cụ thể số 03.01/2020/11753816/HĐTD ngày 21/5/2021 và các Văn bản gia hạn/điều chỉnh kỳ hạn trả nợ ngày 24/9/2021, ngày 27/9/2021 cho đến khi trả xong nợ;

- Ông **Ngô Trọng H** còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất được thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 01/2020/14667188/HĐTD ngày 17/11/2020 và Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 01/2021/14667188/HĐTD ngày 27/9/2021 cho đến khi trả xong nợ.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay, thì lãi suất mà khách hàng vay tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Trường hợp **Công ty TNHH MTV C**, ông **Ngô Trọng H** không trả hoặc trả không đủ số tiền còn nợ trên cho **Ngân hàng TMCP Đ**, thì Ngân hàng có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là: Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất thuộc Thửa 25, Tờ bản đồ 48 tại **xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp** đứng tên **Công ty TNHH MTV C** (theo Giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CU 528169, vào sổ cấp Giấy chứng nhận: CT08075 do **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ** cấp ngày 24/12/2019, cập nhật ngày 25/3/2020).

Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản được dùng để thanh toán các khoản nợ gốc và lãi của **Công ty TNHH MTV C** đối với **Ngân hàng TMCP Đ** theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2020/11753816/HĐTD ngày 12/10/2020, Hợp đồng tín dụng cụ thể số 02.01/2020/11753816/HĐTD ngày 20/5/2021, Hợp đồng tín dụng cụ thể số 03.01/2020/11753816/HĐTD ngày 21/5/2021 và các Văn bản gia hạn/điều chỉnh kỳ hạn trả nợ ngày 24/9/2021, ngày 27/9/2021 và thanh toán các khoản nợ gốc và lãi của ông **Ngô Trọng H** đối với **Ngân hàng TMCP Đ** theo Hợp đồng tín dụng số 01/2020/14667188/HĐTD ngày 17/11/2020 và Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 01/2021/14667188/HĐTD ngày 27/9/2021.

Trường hợp số tiền thu được từ xử lý tài sản không đủ thanh toán hết khoản nợ thì **Công ty TNHH MTV C**, ông **Ngô Trọng H** tiếp tục có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng.

Trường hợp sau khi phát mãi tài sản đảm bảo để thu hồi số nợ là: Quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất thuộc Thửa 25, Tờ bản đồ 48 tại **xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp** đứng tên **Công ty TNHH MTV C** (theo Giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CU 528169, vào sổ cấp Giấy chứng nhận: CT08075 do **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ** cấp ngày 24/12/2019, cập nhật ngày 25/3/2020) để thanh toán cho khoản nợ của **Công ty TNHH MTV C**, của ông **Ngô Trọng H** mà số tiền thu được từ việc phát mãi các tài sản đảm bảo nói trên còn dư thì Ngân hàng có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền dư lại cho **Công ty TNHH MTV C**.

Trường hợp **Công ty TNHH MTV C**, ông **Ngô Trọng H** đã thực hiện nghĩa vụ trả hết số tiền trên và khoản tiền lãi phát sinh cho **Ngân hàng TMCP Đ** thì Ngân hàng có trách nhiệm xóa thế chấp và trả bản chính các giấy tờ cho **Công ty TNHH MTV C** (theo Biên bản giao nhận giấy tờ tài sản thế chấp ngày 17/11/2020).

4. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ Ngân hàng TMCP Đ chịu Ngân hàng đã nộp đủ.

5. Về án phí sơ thẩm:

5.1. Bị đơn Công ty TNHH MTV C phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 155.465.834 (một trăm năm mươi lăm triệu, bốn trăm sáu mươi lăm ngàn, tám trăm ba mươi bốn) đồng.

5.2. Bị đơn ông Ngô Trọng H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 113.182.417 (một trăm mười ba triệu, một trăm tám mươi hai ngàn, bốn trăm mười bảy) đồng.

5.3. Hị lại Ngân hàng TMCP Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 72.860.794 (bảy mươi hai triệu, tám trăm sáu mươi ngàn, bảy trăm chín mươi bốn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0014581 ngày 08/7/2022 và số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.105.138 (năm mươi sáu triệu, một trăm lẻ năm ngàn, một trăm ba mươi tám) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0014812 ngày 06/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

- Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

- Bị đơn Công ty TNHH MTV C, bị đơn ông Ngô Trọng H được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt theo quy định của pháp luật.

- Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 1, 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND Q.7;
- Chi cục THDS Q.7
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ (Thu)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thuần Phong